

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2025.
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Hồng Trang;
- Ông Trần Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thái An là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Sử – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 18-7-2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-9-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số **36/QĐST-HNGĐ** ngày 23-9-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh;** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: **Ông Lê Mạnh Đ; sinh năm: 1976; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh;** vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T chung sống với ông Đ tự nguyện vào năm 2000. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian những năm đầu, từ năm 2006, vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn trầm trọng do không tin tưởng nhau về kinh tế, về tình cảm. Năm 2006 ông Đ lấy tiền của gia đình 100.000.000 đồng bỏ nhà đi tiêu sài cá nhân, chung sống với người khác nhưng không biết cụ thể là ai. Từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm, không làm kinh tế chung, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, ly thân từ giữa tháng 6 đến nay, bà T về nhà em trai sống. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 03 con chung tên Lê Thái Hoàng A, sinh ngày 29-6-2000, Lê Thái Ngọc T1, sinh ngày 07-01-2006 và Lê Thái Thiên A1, sinh ngày 22-7-2019. Cháu Lê Thái Hoàng A và Lê Thái Ngọc T1 đã thành niên, đã có gia đình sống riêng nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Lê Thái Thiên A1 đang sống với ông Đ. Bà T yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thiên A1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Lê Mạnh Đ** trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Đ chung sống với bà T tự nguyện vào năm 1999. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2025, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về kinh tế, về tình cảm, bà T không chung thủy có người đàn ông khác, không làm kinh tế chung, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, ly thân từ giữa tháng 6 đến nay, bà T về nhà em trai sống. Bà T trình bày năm 2006 ông Đ lấy tiền của gia đình 100.000.000 đồng bỏ nhà đi tiêu sài cá nhân là không có, ông Đ không chung sống với người khác. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ, ông Đ không đồng ý vì còn thương yêu vợ mong muốn về hàn gắn tình cảm vợ chồng lo cho con.

Về con chung: Ông Đ và bà T có 03 con chung tên Lê Thái Hoàng A, sinh ngày 29-6-2000, Lê Thái Ngọc T1, sinh ngày 07-01-2006 và Lê Thái Thiên A1, sinh ngày 22-7-2019. Cháu Lê Thái Hoàng A và Lê Thái Ngọc T1 đã thành niên, đã có gia đình sống riêng nên không yêu cầu giải quyết. Bà T yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thiên A1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông Đ không đồng ý. Ông Đ yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thiên A1, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai của ông Đ, ông Đ trình bày nhưng không ký tên, tổng đạt văn bản tố tụng ông Đ không ký nhận, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa: Bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bà T là nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Đ.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị T. Bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Lê Mạnh Đ.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thái Hoàng A, sinh ngày 29-6-2000, Lê Thái Ngọc T1, sinh ngày 07-01-2006 và Lê Thái Thiên A1, sinh ngày 22-7-2019. Con chung Lê Thái Hoàng A, Lê Thái Ngọc T1 đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân, bà T, ông Đ không yêu cầu giải quyết.

Giao bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thái Thiên A1, sinh ngày 22-7-2019. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ được quyền đến thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông Đ không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T là nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Đ.

[2] Về hôn nhân: Bà T chung sống với ông Đ tự nguyện vào năm 2000. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận kết hôn **số 13/2000 ngày 01-4-200**. Xét thấy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu ly hôn nhận thấy: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ vì lý do vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, về tình cảm. Năm 2006 ông Đ lấy tiền của gia đình 100.000.000 đồng bỏ nhà đi tiêu xài cá nhân, chung sống với người khác nhưng không biết cụ thể là ai. Từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm, không làm kinh tế chung, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, ly thân từ giữa tháng 6 đến nay, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai của ông Đ, ông Đ thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, về tình cảm, không làm kinh tế chung, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, ly thân từ giữa tháng 6 đến nay, ông Đ không thừa nhận lấy tiền của gia đình tiêu xài cá nhân, không thừa nhận sống với người phụ nữ khác. Kết quả thu thập, xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng bà T, ông Đ có mâu thuẫn về kinh tế, không còn sống chung với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được ly hôn với ông Đ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông Đ có 03 con chung tên Lê Thái Hoàng A, sinh ngày 29-6-2000, Lê Thái Ngọc T1, sinh ngày 07-1-2006 và Lê Thái Thiên A1, sinh ngày 22-7-2019. Cháu Hoàng A, cháu T1 đã trưởng thành có gia đình sống riêng. Cháu Hoàng A và T1 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Bà T yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thiên A1, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thiên A1, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy: Cháu Lê Thái Thiên A1 còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, công việc của bà T có thu nhập ổn định hơn ông Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Giao bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thái Thiên A1 là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: **Bà Đỗ Thị T, ông Lê Mạnh Đ** không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: **Bà T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của **bà Đỗ Thị T. Bà Đỗ Thị T** được ly hôn với **ông Lê Mạnh Đ.**

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thái Hoàng A , sinh ngày 29-6-2000, Lê Thái Ngọc T1, sinh ngày 07-01-2006 và Lê Thái Thiên A1, sinh ngày 22-7-2019. Con chung Lê Thái Hoàng A, Lê Thái Ngọc T1 đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân, bà T, ông Đ không yêu cầu giải quyết.

Giao **bà Đỗ Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thái Thiên A1, sinh ngày 22-7-2019. Ghi nhận **bà T** không yêu cầu **ông Đ** cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Mạnh Đ được quyền đến thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: **Bà Đỗ Thị T, ông Lê Mạnh Đ** không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: **Bà Đỗ Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số **0001145 ngày 18-7-2025** của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; **bà Đỗ Thị T** đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA,TAT;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 11 – Tây Ninh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Trà Vong;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Ngọc Thu